

Số: 1374/BC-KSBT

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 10 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả kiểm tra, giám sát vệ sinh chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tháng 8/2023 theo Thông tư 41/2018/TT-BYT**

Căn cứ Thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Quyết định 42/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quyết định Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thực hiện kế hoạch hoạt động chương trình vệ sinh môi trường của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đã phối hợp với Công ty Cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế, Trung tâm y tế huyện A Lưới tổ chức kiểm tra vệ sinh chất lượng nước sạch tại NMN Hồng Thủy.

**I. Thời gian kiểm tra:** Ngày 30/8/2023

**II. Nội dung kiểm tra:** Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Thông tư 41/2018/TT-BYT (*Báo cáo kết quả ngoại kiểm chất lượng nước sạch đã gửi cho đơn vị cấp nước sau khi kiểm tra*)

**1. Hồ sơ theo dõi, quản lý CLN:** Đơn vị cấp nước có đầy đủ hồ sơ về

- QCKT địa phương về CLNS do UBND tỉnh ban hành: có đầy đủ
- Các kết quả thử nghiệm CLN nguyên liệu định kỳ, đột xuất: có đầy đủ
- Các kết quả thử nghiệm thông số CLNS định kỳ, đột xuất: có đầy đủ
- Các hồ sơ về hóa chất SD trong quá trình SXNS: có đầy đủ
- Sổ theo dõi việc lưu mẫu nước: có đầy đủ
- Báo cáo biện pháp khắc phục các sự cố liên quan đến CLNS: có đầy đủ
- Công khai thông tin về CLNS: có đầy đủ
- Các tài liệu chứng minh việc thực hiện kế hoạch CNAT theo quy định: có đầy đủ

**2. Tàn suất thực hiện chế độ nội kiểm:**

**a. Đơn vị cấp nước có thử nghiệm toàn bộ thông số CLNS trong các trường hợp:**

- Trước khi đi vào vận hành lần đầu: có đầy đủ

- Sau khi nâng cấp sửa chữa lớn tác động đến hệ thống sản xuất: có đầy đủ
- Khi có sự cố về môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến CLNS: có đầy đủ
- Khi xuất hiện rủi ro trong QTSX có nguy cơ AH đến CLNS hoặc khi có yêu cầu của CQCTQ: có đầy đủ
- Định kỳ 03 năm một lần thử nghiệm toàn bộ các thông số: có đầy đủ

*b. Thử nghiệm định kỳ:*

- Tần suất thử nghiệm TSCLNS nhóm A: không ít hơn 01 lần/1 tháng: có
- Tần suất thử nghiệm TSCLNS nhóm B: không ít hơn 01 lần/6 tháng: có
- Tùy theo tình hình thực tế của địa phương UBND tỉnh QĐ tần suất thử nghiệm nhiều hơn tần suất QĐ: có

3. Tình hình chất lượng nước: *(Trong kỳ kiểm tra có những thông số nào thường xuyên không đạt, lý do và biện pháp khắc phục):*

Chất lượng nước của nhà máy tại thời điểm kiểm tra đảm bảo.

4. Thực hiện chế độ công khai thông tin và báo cáo chất lượng nước

*a. Công khai thông tin chất lượng nước sạch:*

- Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày có KQ trên trang thông tin điện tử của đơn vị cấp nước: có đầy đủ
- Các nội dung sau: *Tổng số mẫu nước thử nghiệm và các vị trí lấy mẫu; Các thông số và kết quả thử nghiệm cụ thể của từng mẫu nước; Biện pháp và thời gian khắc phục các thông số không đạt Quy chuẩn: có đầy đủ*

*b. Báo cáo chất lượng nước:*

- Mẫu số 05: Báo cáo kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch, theo quý và báo cáo lưu trong từng lần nội kiểm. *(Nhóm A: không ít hơn 01 lần/1 tháng, nhóm B: không ít hơn 01 lần/6 tháng, tùy theo tình hình thực tế của địa phương): có đầy đủ*
- Mẫu 06: Báo cáo kết quả tổng hợp chất lượng nước sạch theo quý *(Báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng 01; tháng 4; tháng 7 và tháng 10 đến ngày cuối cùng của tháng 3; tháng 6; tháng 9; tháng 12 hằng năm): có đầy đủ*

Kết quả kiểm tra: NMN Hồng Thủy thực hiện tốt công tác nội kiểm của nhà máy nước.

**III. Kết quả xét nghiệm nhanh chất lượng nước tại hiện trường:** *(sử dụng các máy đo CLN của đơn vị cấp nước)*

- Vị trí lấy mẫu nước:
  1. Trạm Y tế xã Hồng Thủy
  2. Hộ Ông Pa Ráp, xã Hồng Thủy, huyện A Lưới

### 3. NMN Hồng Thủy

- Kết quả xét nghiệm nhanh:

Số TT	Mã số mẫu, vị trí lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số					
1	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,5	0,6	0,7	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
2	Độ đục (NTU)	0,09	0,09	0,09	2	Đạt
3	PH	8,2	8,2	8,2	Trong khoảng 6,0-8.5	Đạt

- Tổng số mẫu nước làm XN: 03 (mẫu)

- Các thông số xét nghiệm: Clo dư tự do; Độ đục; pH

- Kết quả có 03/03 mẫu xét nghiệm nhanh đều đạt về các thông số: Clo dư tự do; Độ đục và pH.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kính báo cáo./.

#### Nơi nhận:

- Cục Quản lý Môi trường y tế (để báo cáo);
- Viện Pasteur Nha Trang (để báo cáo);
- Sở Y tế (để báo cáo);
- Sở Xây dựng (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Công ty CP Cấp nước TT.Huế (để biết);
- Ban Giám đốc TTKSBT (để báo cáo);
- Lưu: VT, SKMT-YTTH-BNN.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hồ Xuân Vũ**